**MỘT SỐ CĂN DẶN VỚI HỌC SINH VÀ PHỤ HUYNH**

**\* ĐỐI VỚI HỌC SINH**

1/ Phần **nội dung bài học các em chép vào tập** ghi trên lớp còn phần **bài tập củng cố hoặc bài tập bổ sung các em làm vào vở bài tập hoặc tập học buổi chiều.**

2/ Khi học bài các em cần **xem và đọc nội dung bài học, câu hỏi trong SGK**.

3/ Hàng ngày, các em đều **phải học ít nhất là 1 bài mới và làm bài tập** đầy đủ. Nếu có thắc mắc, không hiểu bài các em có **thể liên hệ với giáo viên bộ môn, GVCN** để nhờ giải đáp.

4/ Đề cương các em **phải bảo quản cẩn thận** để khi đi học lại sử dụng ôn thi cuối năm.

**\* ĐỐI VỚI PHỤ HUYNH**

1/ Phụ huynh cấn phối hợp chặt chẽ với nhà trường, GVCN, GVBM để báo cáo tình hình học tập và làm bài của các em.

2/ Phụ huynh thường xuyên nhắc nhở các em học bài, làm bài tập và chép bài đầy đủ.

3/ Mọi thắc mắc về bài học phụ huynh liên hệ ngay với GVBM hoặc GVCN để được hỗ trợ.

**MÔN SINH HỌC**

**BÀI 43: CẤU TẠO TRONG CỦA CHIM BỒ CÂU**

**I. Các cơ quan dinh dưỡng:**

**1) Tiêu hóa:**

- Ống tiêu hóa: miệng → thực quản → diều → dạ dày tuyến → dạ dày cơ → ruột → lỗ huyệt.

- Tuyến tiêu hóa: gan, mật, tụy.

- Tốc độ tiêu hóa thức ăn cao.

**2) Tuần hoàn:**

- 2 vòng tuần hòan kín.

- Tim 4 ngăn: 2 tâm nhĩ, 2 tâm thất.

- Máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi.

**3) Hô hấp:**

- Phổi có mạng ống khí dày đặc.

- Ống khí thông với túi khí.

- Trao đổi khí:

+ Khi bay: không khí vào túi khí.

+ Khi đậu: không khí vào phổi.

**4) Bài tiết và sinh dục:**

- Bài tiết: thận sau, không có bóng đái → nước tiểu thải ra ngòai theo phân.

- Sinh dục:

+ Con đực: 1 đôi tinh hoàn, ống dẫn tinh.

+ Con cái: buồng trứng trái phát triển, buồng trứng phải tiêu giảm.

**II. Thần kinh và giác quan:**

- Bộ não có bán cầu não lớn. Tiểu não có nhiều nếp nhăn → đời sống và phạm vi họat động phong phú.

- Giác quan:

+ Mắt có 3 mi rất tinh.

+ Tai có ống tai ngoài.

**BÀI 44: ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA LỚP CHIM**

**I. Các nhóm chim:**

 Có 9600 loài chia làm 3 nhóm:

- Nhóm chim chạy: không biết bay, có tập tính chạy nhanh; cánh ngắn, yếu, chân cao, to, khỏe; đại diện: chim đà điểu.

- Nhóm chim bơi: không biết bay, bơi lặn giỏi; bộ xương cánh dài, khỏe, lông ngắn, dày, không thấm nước, chân có màng bơi; đại diện: chim cánh cụt.

- Nhóm chim bay: biết bay; cánh phát triển, chân có 4 ngón; đại diện: chim bồ câu, chim én, chim cú…

**II. Đặc điểm chung của chim:**

- Mình có lông vũ bao phủ.

- Chi trước biển đổi thành cánh.

- Có mỏ sừng, không có răng.

- Phổi có mạng ống khí, túi khí.

- Tim 4 ngăn, máu đỏ tươi đi nuôi cơ thể.

- Động vật hằng nhiệt.

- Trứng lớn có vỏ đá vôi bao

 bọc, được ấp nở nhờ thân nhiệt

 chim bố mẹ.

**III. Vai trò của chim:**

***- Lợi:***

+ Diệt sâu bọ và động vật gặm nhấm.

+ Cung cấp thực phẩm.

+ Làm cảnh, lông làm chăn đệm, đồ trang trí.

+ Huấn luyện săn mồi, đưa thư.

+ Phát tán và thụ phấn cho cây trồng.

***- Hại:***

+ Vật trung gian truyền bệnh.

+ Ăn quả, hạt...

Bài 46: THỎ

**I. Đời sống:**

- Sống ven rừng, trong các bụi rậm.

- Có tập tính đào hang.

- Kiếm ăn vào chiều hoặc đêm.

- Thức ăn: cỏ, lá cây.

- Động vật hằng nhiệt.

\* Sinh sản:

- Thụ tinh trong.

- Thai phát triển trong tử cung của thai mẹ.

- Có nhau thai, còn gọi là hiện tượng thai sinh.

- Con non yếu được nuôi bằng sữa mẹ.

**II. Cấu tạo ngoài và di chuyển:**

**1) Cấu tạo ngoài:**

- Bộ lông mao che chở và giữ nhiệt cho cơ thể.

- Chi trước ngắn dùng để đào hang, chi sau dài khỏe, bật nhảy xa, giúp thỏ chạy nhanh.

- Mũi thỏ rất thính và lông xúc giác có vai trò xúc giác nhạy bén, phối hợp với khứu giác giúp thỏ thăm dò thức ăn hoặc môi trường.

- Mắt thỏ không tinh lắm, mi mắt cử động được, có lông mi.

- Tai thỏ rất thính, có vành tai dài, lớn, cử động theo các phía.

**2) Di chuyển:**

 Nhảy bằng 2 chân sau, bằng cách bật nhảy.

**BÀI 47: CẤU TẠO TRONG CỦA THỎ**

**I. Bộ xương và hệ cơ:**

**1) Bộ xương:**

Gồm nhiều xương khớp với nhau có tác dụng định hình, nâng đỡ, bảo vệ và vận động của cơ thể.

**2) Hệ cơ:**

- Cơ vận động phát triển.

- Cơ hoành và cơ liên sườn tham gia hô hấp.

**II. Các cơ quan dinh dưỡng:**

**1) Tiêu hóa:**

- Nằm ở khoang bụng.

- Răng phân hóa: răng cửa sắc thường xuyên mọc dài ra, răng hàm kiểu nghiền, thiếu răng nanh.

- Manh tràng lớn tiêu hóa xenlulôzơ.

**2) Tuần hoàn và hô hấp:**

\* tuần hoàn: tim 4 ngăn, 2 vòng tuần hoàn, máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi.

\* hô hấp gồm: khí quản, phế quản và phổi. phổi có nhiều túi phổi nhỏ làm tăng diện tích trao đổi khí.

**3) bài tiết**

- Thận sau có cấu tạo tiến bộ nhất.

**III. Thần kinh và giác quan:**

- Bộ não:

+ Đại não phát triển che lấp các phần khác.

+ Tiểu não có nhiều nếp gấp liên quan đến các hoạt động phức tạp.

- Giác quan:

+ Có vành tai ngoài thính.

+ Mũi có lông xúc giác nhạy.

**BÀI 48: ĐA DẠNG CỦA LỚP THÚ BỘ**

 **THÚ HUYỆT, BỘ THÚ TÚI.**

**1. Sự đa dạng của lớp thú:**

Có khoảng 4600 loài, 26 bộ, Việt Nam phát hiện được 275 loài. Các loài thú đều có lông mao, tuyến sữa.

- Lớp thú đẻ trứng -> Bộ thú huyệt

- Lớp thú đẻ con:

+ Con non yếu-> Bộ thú túi

+ Con non khỏe -> Các bộ thú còn lại

**2. Bộ thú huyệt – Bộ thú túi:**

- Thú mỏ vịt:

+ Có lông mao dày, chân có màng bơi.

+ Đẻ trứng ,chưa có núm vú, nuôi con bằng sữa.

- Kanguru:

+ Chi sau dài khỏe, đuôi dài

+ Đẻ con rất nhỏ, thú mẹ có núm vú.

**BÀI 49+ 50+51: ĐA DẠNG CỦA LỚP THÚ( TT)**

**BỘ DƠI VÀ BỘ CÁ VOI**

**I. Bộ dơi**

- Dơi là thú có cấu tạo thích nghi với đời sống bay: chúng có màng cánh rộng, thân ngắn và hẹp nên có cách bay thoăn thoắt, thay hướng đổi chiều linh hoạt. chân yếu có tư thế bám vào cành cây treo ngược cơ thể khi bắt đầu bay chăn rời vật bám, tự buông mình từ cao.

**II. Bộ cá voi**

- Cá voi thích nghi với đời sống hoàn toàn ở dưới nước, cơ thể hình thoi, cổ rất ngắn, lớp mỡ dưới da rất dày, chi trước biến đổi thành chi bơi co dạng bơi chèo, vây đuôi nằm ngang, bơi bằng cách uốn mình theo chiều dọc.

**III. Bộ thú ăn sâu bọ:**

- Mõm dài, răng nhọn, ăn động vật.

- Chân trước ngắn, bàn chân rộng, ngón chân to, khỏe, có tập tính đào hang hoặc sống trên mặt đất và tìm mồi, sống đơn độc.

- Đại diện: Chuột chù, chuột chũi.

**IV. Bộ gặm nhấm:**

- Răng cửa lớn, luôn mọc dài ra, thiếu răng nanh, sống trên mặt đất hoặc trên cây và tìm mồi, ăn tạp hoặc ăn thực vật, sống thành đàn.

- Đại diện: Chuột, sóc

**V. Bộ thú ăn thịt:**

- Răng cửa sắc nhọn, răng nanh dài, nhọn, răng hàm có mấu dẹp, sắc, ăn động vật, sống đơn độc hoặc thành đàn.

- Ngón chân có vuốt cong, dưới có đệm thịt êm.

- Đại diện: Hổ, cáo, chó sói…

**VI. Các bộ móng guốc:**

Có số lượng ngón chân tiêu giảm, đốt cuối mỗi ngón có bao sừng bao bọc, được gọi là guốc.

- Chân cao, chỉ đốt cuối cùng của ngón có guốc bao bọc mới chạm đất 🡪 chạy nhanh

Bao gồm 3 bộ:

- Bộ guốc chẵn: Số ngón chân chẵn, thường có sừng,ăn tạp, ăn thực vật, đa số sống đàn, nhiều loài nhai lại.

VD: lợn, bò, hươu…

- Bộ guốc lẻ: Số ngón chân lẻ (3 ngón),ăn thực vật, không có sừng (trừ tê giác),sống đàn hoặc sống đơn độc,không nhai lại.

VD: tê giác, ngựa…

**-** Bộ Voi: Số ngón

chân lẻ (5 ngón), có ngà,có vòi thiếu lông, ăn thực vật không nhai lại.

VD: voi.

**VII. Bộ linh trưởng:**

- Đi bằng bàn chân.

- Bàn tay, chân có 5 ngón.

- Ngón cái đối diện với các ngón còn lại, thích nghi với sự cầm nắm, leo trèo.

- Ăn tạp.

**VIII. Đặc điểm chung của lớp thú:**

- Là ĐV có xương sống, có tổ chức cao nhất.

- Có hiện tượng thai sinh và nuôi con bằng sữa.

- Có lông mao, bộ răng phân hóa thành ba loại.

- Tim 4 ngăn

- Bộ não phát triển

- ĐV hằng nhiệt.

**IX. Vai trò của lớp thú :**

\* Vai trò:

- Cung cấp thực phẩm, sức kéo, dược liệu,

- Nguyên liệu làm đồ mĩ nghệ có giá trị.

- Là nguồn thực phẩm cho con người

- Tiêu diệt gặm nhấm có hại.

\* Tác hại:

- Một số loài thú phá hoại mùa màng

\* Biện pháp:

- Bảo vệ ĐV hoang dã.

- Xây dựng khu bảo tồn ĐV.

- Tổ chức chăn nuôi loài thú có giá trị kinh tế.

**HƯỚNG DẪN HỌC TẬP Ở NHÀ**

Câu 1: Trình bày đặc điểm hô hấp ở chim bồ câu thể hiện sự thích nghi với đời sống bay.

Câu 2: Nêu đặc điểm chung của lớp chim. Cho những ví dụ về các mặt lợi và tác hại của chim đối với con người.

Câu 3: hãy nêu cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với điều kiện sống. nêu ưu điểm của sự thai sinh so với sự đẻ trứng và noãn thai sinh.

**Trả lời các câu hỏi trong SGK trang 155, 158, 161,165, 169.**